

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÙ LAO DUNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10-9-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngoan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Hồng Hải.

2. Ông Đỗ Văn Quân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2020/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Kim Thị S; nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

***- Bị đơn:*** Thạch Minh T; cư trú tại: ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2020, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Kim Thị S trình bày:

Về hôn nhân: chị S và anh Thạch Minh T tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T vào ngày 02/4/2016. Thời gian đầu chị S và anh T chung sống hạnh phúc,

đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị S và anh T sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Nay chị S yêu cầu ly hôn với anh T; về con chung: trong thời gian chung sống chị S và anh T có một con chung tên Thạch Thị Minh T, sinh ngày 27/9/2019, Minh T đang sống chung với chị S, chị S yêu cầu nuôi con chung là Thạch Thị Minh T cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống chị S và anh T không có tài sản chung và nợ chung, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: bản sao có chứng thực Giấy khai sinh tên Thạch Thị Minh T, sinh ngày 27/9/2019 có tên mẹ Kim Thị S, tên cha Thạch Minh T do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp; bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2016 ngày 02/4/2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, tên vợ là Kim Thị S, tên chồng Thạch Minh T; bản chính Đơn xin xác nhận cư trú thực tế có xác nhận của Công an xã A, xác nhận anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp được cơ quan có thẩm quyền cấp và xác nhận nên hợp pháp, đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Thạch Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án, được triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà vẫn vắng mặt không có lý do, anh T không gửi văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án. Tại phiên tòa anh T vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: xử cho chị S ly hôn với anh T; về con chung: giao cháu Thạch Thị Minh T cho chị S nuôi dưỡng đến khi thành niên; tài sản chung và nợ chung: chị S không yêu cầu, đề nghị không xem xét; buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn chị Kim Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi dưỡng con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn chị Kim Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Thạch Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị S. Chị S và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 01/2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn sâu đậm. Chị S và anh T không chung sống cùng nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay. Từ đó đến nay, anh chị không có liên hệ để hàn gắn tình cảm nhằm đoàn tụ xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của chị S được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về yêu cầu của chị S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch Thị Minh T, sinh ngày 27/9/2019 cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Cháu T là con chung của chị S và anh T, từ khi chị S và anh T không chung sống cùng nhau, cháu T sống với chị S cho đến nay, chị S đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cháu T, anh T không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi con của chị S. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Thạch Thị Minh T cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh T không ai được cản

trở. Chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Chị S không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T không chịu án phí; chị S phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị S.

1. Về hôn nhân: xử cho chị Kim Thị S được ly hôn với anh Thạch Minh T.

2. Về con chung: giao cháu Thạch Thị Minh T, sinh ngày 27/9/2019 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T thành niên. Anh Thạch Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh T không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị S không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: anh T không phải chịu án phí; chị S phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị S được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002974 ngày 07 tháng 7 năm

2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, chị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- UBND xã A;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Ngoan**